| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẮC TÂN UYÊN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập –Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Đoàn Văn Lước;

Ông Võ Phi Anh Toàn.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Diễm Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại phòng xử án Toà án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Đình Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp 1, xã Đ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 26-10-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Trần Thị Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và ông Lê Đình Q quen biết và tìm hiểu nhau được khoảng một năm thì tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tân Uyên (nay là huyện Bắc Tân Uyên), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22, quyển số 01/2012 ngày 04 tháng 4 năm 2013.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn do ông Q và gia đình bên chồng không cho bà Đ đi làm để kiếm thêm thu nhập nên bà Đ phải sống lệ thuộc vào kinh tế của gia đình chồng và nhận trợ cấp từ cha mẹ ruột. Ông Q không quan tâm chia sẻ mà luôn xem thường, xúc phạm bà Đ. Bà Đ nhiều lần có ý kiến với ông Q nhưng ông Q luôn cho rằng mình đúng, không thay đổi tính tình để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Lúc bà Đ có ý định làm đơn ly hôn thì ông Q bắt hai con chung là cháu Lê Thị Thùy T và Lê Thị Ngọc Tr để gây sức ép, uy hiếp bà Đ để cấm bà Đ không được làm đơn ly hôn. Nếu bà Đ vẫn giữ ý định ly hôn thì ông Q sẽ giết cháu T và không cho bà Đ gặp con nữa. Từ tháng 7-2017 đến nay, bà Đ dẫn hai con về nhà cha mẹ sống và vợ chồng không còn chung sống với nhau. Trong khoảng thời gian không còn chung sống với nhau, ông Q không quan tâm đến con và cũng không có thái độ muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, tình cảm của bà Đ đối với ông Q không còn nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông Q.

- Về con chung: Lê Thị Thùy T, sinh ngày 13/6/2013 và Lê Thị Ngọc Tr, sinh ngày 12/5/2015. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 14-11-2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn – ông Lê Đình Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Q thống nhất với lời trình bày của bà Đ về thời gian tìm hiểu, thời gian kết hôn và thời gian vợ chồng không còn chung sống với nhau. Thời gian đầu, vợ chồng đi cạo mủ cao su cho cha mẹ ông Q, cuộc sống gia đình hạnh phúc. Đến năm 2015, khi bà Đ sinh cháu Trâm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không chia sẻ được tình cảm, quan tâm cuộc sống của vợ chồng. Sở dĩ trước đây ông Q có hành vi dùng dao đe dọa giết cháu Lê Thị Thùy T và ngăn cản không cho bà Đ gặp các con là vì ông muốn gây sức ép để bà Đ không nộp đơn ly hôn. Ông Q cũng thừa nhận những nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, ông Q không đồng ý ly hôn với bà Đ.

- Về con chung: Lê Thị Thùy T, sinh ngày 13/6/2013 và Lê Thị Ngọc Tr, sinh ngày 12/5/2015. Nếu Tòa án giải quyết cho bà Đ được ly hôn với ông Q thì ông Q yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và ông Lê Đình Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22, quyển số 01/2012 ngày 04 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tân Uyên (nay là huyện Bắc Tân Uyên), tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Bà Đ yêu cầu ly hôn với ông Q bởi vì trong thời gian chung sống với nhau, ông Q không quan tâm, chia sẻ, chăm sóc cho vợ con và có những hành vi đe dọa đến tính mạng của bà Đ và các con. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ và chung sống với nhau. Trong khoảng thời gian không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2017 đến nay và diễn biến tại phiên tòa, bà Đ mong muốn được ly hôn với ông Q và ông Q không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, việc bà Đ yêu cầu ly hôn với ông Q là có căn cứ chấp nhận.

[3] - Về con chung: Bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Lê Thị Thùy T, sinh ngày 13/6/2013 và cháu Lê Thị Ngọc Tr, sinh ngày 12/5/2015. Ông Q không đồng ý giao hai con cho bà Đ nuôi dưỡng và yêu cầu Tòa án giao hai con chung cho ông nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Lê Thị Ngọc Tr hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần giao cháu Tr cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu. Tại phiên tòa, ông Q trình bày do tính chất công việc nên ông phải đi làm xa nhà từ Thứ Hai đến Thứ Sáu và chỉ về nhà vào ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật, công việc không ổn định. Bên cạnh đó, cháu T là con gái và tuổi còn nhỏ nếu giao cháu cho ông Q nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo sự phát triển tốt nhất về mọi mặt cho cháu. Mặt khác, trong thời gian bà Đ và ông Q không còn chung sống với nhau thì bà Đ có việc làm và thu nhập ổn định, chăm sóc tốt cho các con. Cuộc sống của các con đã ổn định, được đi học nên xét thấy không cần thiết phải thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con. Do đó, việc bà Đ yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ về việc không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

[4] - Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] - Về án phí sơ thẩm: Bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6 Từ những nhận định trên, xét thấy, lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và

gia đình;

- Căn cứ vào Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ đối với bị đơn ông Lê Đình Q về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ được ly hôn với ông Lê Đình Q.

1.2. Về con chung: Bà Trần Thị Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Lê Thị Thùy T, sinh ngày 13/6/2013 và Lê Thị Ngọc Tr, sinh ngày 12/5/2015.

Bà Trần Thị Đ và ông Lê Đình Q đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Đ về việc không yêu cầu ông Lê Đình Q cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0016688 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu : VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Mỹ Trúc**